

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẠC SƠN
TỈNH HÒA BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2019/DS-ST
Ngày 26 – 9 - 2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠC SƠN, TỈNH HÒA BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Cao Sơn

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Ôn.

2. Ông Bùi Văn Thiệu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Phương – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình tham gia phiên tòa: Ông Bùi Mạnh Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 10/2019/TLST - DS ngày 06 tháng 03 năm 2019 về việc “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Bùi Văn B, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Xóm M, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Văn T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Ông Bùi Văn P (tên gọi khác là Ph), sinh năm 1957.

Nơi cư trú: Xóm M, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Anh Bùi Văn L, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Xóm M, xã P, huyện L, tỉnh Hòa Bình. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nguyên đơn trình bày: Năm 1997, ông Bùi Văn B được cấp 63.000m² đất lâm nghiệp tại khu đồi T thuộc xóm M, xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Thửa đất thuộc thửa số 6, tờ bản đồ số 1, có Giấy chứng nhận quyền sử dụng số L 654xxx, vào Sổ cấp giấy

chứng nhận quyền sử dụng số 00xxx/QSĐĐ/UB, cấp ngày 20/12/1997 mang tên ông “Quách Văn B”. Mục đích sử dụng đất ban đầu là khoanh nuôi bảo vệ rừng, đến năm 2008 thì được chuyển đổi thành đất rừng sản xuất. Khi đó, ông Bùi Văn P có canh tác thửa đất ruộng tại chân đồi gần đó nên ông B có nhờ ông P thỉnh thoảng xem hộ; thấy ai vào rừng chặt cây thì hô và đuổi hộ. Khi được chuyển đổi thành rừng sản xuất thì ông P có nói với ông B để cho ông P ít đất để khai thác củ dân. Ông B đồng ý và có để cho ông P khoảng 2.000m². Sau đó ông P có bán cây rừng trên diện tích đất trên được 7.000.000 (*Bảy triệu*) đồng. Ông B có biết và đồng ý cho ông P bán. Sau đó ông P có khó khăn, con nhỏ nên có hỏi mượn ông B khoảng 02 ha đất để trồng keo (đất nằm trọn trên hai quả đồi liền kề nhau). Ông P trồng và bán được một lứa keo (khoảng năm 2003) thì có hứa cho ông B 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng nhưng ông P không đưa tiền và có trả lại ông B đất thuộc quả đồi phía dưới còn đất thuộc quả đồi phía trên thì ông B vẫn để cho ông P tiếp tục sử dụng. Năm 2018, sau khi ông B thu hoạch xong cây keo trên phần đất lấy lại từ ông P, chưa kịp trồng lại thì bị ông P chiếm lại và trồng keo vào. Tại giai đoạn hòa giải tranh chấp ở UBND xã ông B cũng có ý định chỉ lấy lại phần đất tại quả đồi phía dưới còn đất thuộc quả đồi phía trên vẫn để cho ông P sử dụng nhưng ông P cố tình chiếm dụng cả hai mảnh đất tại hai quả đồi nên ông B khởi kiện với yêu cầu ông Bùi Văn P phải trả lại cả hai mảnh đất, tổng diện tích khoảng 02 ha.

Phía Bị đơn trình bày: Do gia đình ông Bùi Văn P có thửa ruộng lúa nước tại chân đồi T thuộc xóm M, xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, giáp đất rừng nhà ông Bùi Văn B. Do đó, ông B có nhờ ông P trông coi rừng hộ. Đến khi năm 2008 ông B bán hết cây rừng thì có chia cho ông P một mảnh đất rừng để trồng keo, coi như trả công trông rừng. Khi chia có hai bên cắm mốc giới thực tế. Mốc giới là mốc tự nhiên theo đồi; đất cho ông P là hai quả đồi liền nhau theo kiểu yên ngựa. Năm 2014, ông P bán keo thì ông B có đến đòi tiền. Vì tình làng xóm và dù sao ông B cũng cho ông P đất nên ông P đồng ý cho ông B số tiền 10.000.000 (*Mười triệu*) đồng nhưng ông B không nhận mà đòi số tiền 50.000.000 (*Năm mươi triệu*) đồng. Do không đủ tiền nên ông B lấy lại một phần đất; lấy lại đất một quả đồi. Ông P cũng đồng ý vì không có tiền trả cho ông B. Nay ông B đã trồng xong một lứa keo và bán được 84.000.000 (*Tám mươi tư triệu*) đồng nên ông P lấy lại phần đất ông B đã cho ông P. Việc ông Bùi Văn B khởi kiện đòi lại toàn bộ đất đã cho ông P sử dụng khoảng 02 ha thì ông P không đồng ý vì cho rằng ông B đã cho gia đình ông thửa đất nêu trên. Hiện tại ông Bùi Văn P không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng thửa đất tranh chấp với ông Bùi Văn B. Trên toàn bộ thửa đất tranh chấp ông Bùi Văn P đã trồng cây keo.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Tòa án xác định vị trí thửa đất tranh chấp tại khu đồi T thuộc xóm M, xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Diện tích toàn bộ thửa đất theo ông Bùi Văn B kê khai được giao đo được là 80.790m². Có tứ cận: Phía Bắc giáp đất thuộc huyện Tân Lạc; phía Nam giáp thửa đất số 11 của ông Bùi Văn T và thửa số 12 của ông Bùi Văn Th; phía Tây giáp thửa đất số 05 của ông Bùi Văn V và một phần đất huyện Tân Lạc; phía Đông giáp thửa đất số 15 của ông Bùi Văn D. Diện tích đất tranh chấp đo được là 21.318m² hiện đang do ông Bùi Văn P trực tiếp sử dụng, trên đất có các cây keo do ông P khai trồng từ tháng 8 năm 2018. Có tứ cận: Phía Bắc, phía Nam và phía Tây giáp đất huyện Tân Lạc; phía Đông giáp đất ông Bùi Văn B đang sử dụng. Ranh giới đất tranh chấp với đất ông Bùi Văn B đang sử dụng là đường thẳng, khe đồi tự nhiên, điểm tọa độ phía Đông Bắc: X: 2269842; Y: 428438, điểm tọa độ phía Tây Nam: X: 2269732.00; Y: 428304.

Kết quả xác minh tại Phòng Tài nguyên và Môi trường, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Lạc Sơn xác định: việc cấp đất cho ông Bùi Văn B nhưng trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ghi tên là “Quách Văn B” là do có sự nhầm lẫn; ông Bùi Văn B và Quách Văn B là một người. Việc cấp đất cho ông Bùi Văn B là cấp theo Quy định về giao đất lâm nghiệp ban hành kèm theo Nghị định 2-CP, ngày 15/01/1994 của Chính phủ. Theo Sổ mục kê thì hộ ông Bùi Văn B được giao 63.000m² tại khu đồi T thuộc xóm M, xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như ông B giao nộp là đúng. Việc giao theo phương pháp khoanh vẽ trên sơ đồ sau đó mới giao trên thực địa. Quá trình giao đất trên thực tế đúng bản đồ quy hoạch và đúng sơ đồ, diện tích theo giấy chứng nhận. Ông B cho rằng tổ công tác giao đất cho ông đúng ranh giới hiện nay là không chính xác vì quá trình sử dụng đất, diện tích đất có thể thay đổi do khai phá vì khu vực này nằm giáp ranh với đất thuộc huyện Tân Lạc. Xác minh tại Hạt Kiểm lâm huyện Lạc Sơn cũng xác nhận ông Bùi Văn B được giao 63.000m² đất lâm nghiệp theo Nghị định số 2-CP, ngày 15/01/1994 của Chính phủ tại vị trí nêu trên. Việc giao theo biện pháp khoanh vẽ trên bản đồ và sau đó giao trên thực địa. Việc giao trên thực địa không đo cụ thể mà nhiều khi theo cảm quan chủ quan của người đi giao nên diện tích thực tế và diện tích giao theo Giấy chứng nhận không trùng khớp nhau.

Kết quả hòa giải tại Tòa án các bên đã xác định diện tích đất ông Bùi Văn P sử dụng thực tế là 21.318m² trong tổng số diện tích 80.790m². Ông B chỉ còn sử dụng thực tế là 59.472m²; còn thiếu 3.528m². Ông Bùi Văn P đồng ý trả diện tích đất này cho ông B để đủ theo diện tích đã cấp trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông B. Cây ông P đã trồng trên phần đất này ông P để cho ông B sở hữu, không yêu cầu bồi thường. Phần đất giao trả giáp liền kề đất ông B đang sử dụng với tứ cận cụ thể (đã xác định theo sơ đồ đo đạc) là: Phía Đông

Nam giáp đất ông B đang sử dụng có tổng chiều dài là 173,72m, một đầu là điểm mốc số 6 (tọa độ: X: 2269732.00; Y: 428304.00), một đầu là điểm mốc số 2 (tọa độ: X: 2269842.00; Y: 428438.00); cạnh phía Tây giáp đất huyện Tân Lạc, có chiều dài 19m tính từ mốc 6 đến mốc 7 (tọa độ: X: 2269746.35; Y: 428291.56); cạnh Đông Bắc giáp đất huyện Tân Lạc có chiều dài 17,62m tính từ mốc 2 đến mốc 1 (tọa độ: X: 2269853.47; Y: 428424.62); cạnh Tây Bắc giáp đất huyện Tân Lạc có chiều dài 170,82m, là điểm nối từ mốc 1 đến mốc 7. Phần đất tranh chấp còn lại ($21.318\text{m}^2 - 3.528\text{m}^2$) là 17.790m^2 các bên thống nhất chia nhau sử dụng tạm thời cho đến khi cơ quan quản lý đất đai có quyết định xử lý. Theo đó, ông B sử dụng 6.000m^2 , phần còn lại ông P sử dụng. Cây keo trên đất 6.000m^2 do ông P trồng thì ông B chấp nhận trả cho ông P số tiền là 9.600.000 (Chín triệu, sáu trăm nghìn) đồng. Trong hạn 7 ngày, ông Bùi Văn P có đơn yêu cầu thay đổi thỏa thuận; ông P không đồng ý chia phần đất 17.790m^2 vì cho rằng diện tích này không nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Bùi Văn B.

Tại phiên tòa: ông Bùi Văn P vẫn đồng ý trả lại ông Bùi Văn B 3.528m^2 và không yêu cầu thanh toán trả giá trị cây keo trên đất mà ông P đã trồng. Ông P không đồng ý chia phần đất 17.790m^2 . Phía ông Bùi Văn B chấp nhận nhận phần đất ông Bùi Văn P trả lại và yêu cầu ông Bùi Văn P trả lại toàn bộ phần đất ông P đang sử dụng.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cho rằng: Mặc dù ông Bùi Văn B được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có 63.000m^2 nhưng thực địa giao cho ông B 80.790m^2 nên cần công nhận và cấp bổ sung thêm cho ông B cho phù hợp với thực tế đất sử dụng.

Phía đại diện Viện kiểm sát nhận định về tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự khi giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Đối với các đương sự đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung vụ án: thấy rằng đất tranh chấp một phần thuộc đất đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Bùi Văn B. Ông Bùi Văn B chỉ có quyền sử dụng đúng diện tích đất đã được cấp theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng. Diện tích đất tranh chấp đã được xem xét, đo đạc xác định vị trí chính xác. Thỏa thuận trả lại đất giữa ông P và ông B là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Đối với yêu cầu của ông Bùi Văn B buộc ông P phải trả lại toàn bộ thửa đất ông P đang sử dụng là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chỉ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông B là buộc ông P hoàn trả lại phần diện tích đất đã chiếm dụng là 3.528m^2 .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Quan hệ pháp luật trong vụ án được xác định là Tranh chấp quyền sử dụng đất. Các đương sự đều có nơi cư trú tại huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình nên Tòa án nhân dân huyện Lạc Sơn thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về pháp luật áp dụng*: Do hộ ông Bùi Văn B được cấp đất năm 1997 nên căn cứ, trình tự thủ tục cấp đất được áp dụng theo các quy định của Luật Đất đai 1993. Tranh chấp quyền sử dụng tại thời điểm năm 2018 nên giải quyết tranh chấp được áp dụng theo các quy định của luật Đất đai 1993 và Luật đất đai 2013.

[3] *Về nội dung vụ án*: Xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 654xxx, vào Sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng số 00xxx/QSDĐ/UB, cấp ngày 20/12/1997 mang tên ông “Quách Văn B”. Quá trình xác minh cơ quan chuyên môn khẳng định việc ghi tên ông “Quách Văn B” là do sai sót; ông Bùi Văn B và “Quách Văn B” là một người. Tại Sổ mục kê phản ánh hộ ông Bùi Văn B được cấp diện tích 63.000m² đất lâm nghiệp tại khu đồi T thuộc xóm M, xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình. Đất giao theo Quy định về cấp đất lâm nghiệp ban hành kèm theo Nghị định 2-CP, ngày 15/1/1994 của Chính phủ. Vị trí thửa đất, trình tự, thủ tục cấp đúng quy định của pháp luật. Do vậy, xác nhận quyền sử dụng của ông Bùi Văn B đối với 63.000m² đất lâm nghiệp tại khu đồi T thuộc xóm M, xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình là hợp pháp. Quá trình sử dụng, ông B đã cho ông Bùi Văn P sử dụng một phần khoảng 02 ha từ năm 2008. Năm 2014, sau khi ông P bán keo thì ông B đến đòi tiền (tiền vì đã cho đất, không phải tiền nhượng). Ông P và ông B không thống nhất được số tiền trả cho nhau nên ông B đã lấy lại một phần đất đã cho ông P sử dụng. Hai bên sử dụng ổn định đến năm 2018, khi hai bên thu hoạch xong cây keo thì ông P cho rằng đã trả đủ tiền cho ông B bằng việc để ông B trồng keo trong 4 năm trên phần đất ông B lấy lại. Do đó, ông P tiếp tục trồng keo vào cả phần đất ông B lấy lại nên xảy ra tranh chấp. Quá trình xem xét, thẩm định tại chỗ xác định tổng diện tích đất ông B và ông P đang sử dụng là 80.790m². Đất lâm nghiệp giao cho ông Bùi Văn B ban đầu là rừng khoanh nuôi tự nhiên nên Nhà nước giao rừng cho hộ gia đình, cá nhân theo phương án quản lý, sử dụng rừng được cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt, để bảo vệ, phát triển và sử dụng ổn định, lâu dài theo quy hoạch, kế hoạch của Nhà nước và nhu cầu, khả năng sử dụng đất của cá nhân, hộ gia đình (Khoản 1 Điều 3; khoản 3 Điều 4 Quy định về giao đất lâm nghiệp cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định, lâu dài vào mục đích lâm nghiệp ban hành kèm theo Nghị định 2-CP, ngày 15/1/1994 của Chính phủ). Quá trình giao đất, cơ quan quản lý đất đai đã khoanh vẽ, lập bản đồ trước khi giao đất và xác nhận việc giao đất là đúng vị trí, diện tích. Như vậy, hộ ông Bùi Văn B chỉ được sử dụng diện tích 63.000m². Trên thực tế xác định hộ ông Bùi Văn B đang sử dụng là 59.472m²; còn thiếu 3.528m². Việc ông Bùi Văn P trả lại phần đất 3.528m² cho ông Bùi Văn B là phù hợp với diện tích đất ông B được giao. Số cây trên đất giao trả ông P không yêu cầu ông B thanh toán giá trị cây là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận. Đối với diện tích 17.790m² không nằm trong diện tích đất ông Bùi Văn B được giao theo Giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất và ông Bùi Văn P cũng không có bất cứ giấy tờ gì chứng minh quyền sử dụng nên được coi là đất chưa giao. Do vậy, việc quản lý diện tích đất này do cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền xem xét, quyết định. Việc ông Bùi Văn B yêu cầu ông Phạch trả lại diện tích đất này là không có căn cứ; trường hợp ông Bùi Văn B được cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thời điểm hiện tại thì có thể được cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền xem xét cấp thêm diện tích này theo quy định tại khoản 5 Điều 98 Luật Đất đai năm 2013.

[4] *Về án phí, chi phí tố tụng*: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Nguyên đơn không phải chịu án phí do yêu cầu xác định quyền sử dụng đất của mình được chấp nhận. Phải chịu án phí về phần yêu cầu của mình không được Tòa án chấp nhận. Tuy nhiên, xét ông Bùi Văn B thuộc hộ nghèo nên miễn án phí cho ông Bùi Văn Biên.

Các đương sự còn phải chịu chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 19, khoản 2 Điều 24, khoản 6 Điều 73 Luật Đất đai năm 1993; khoản 5 Điều 166 Luật đất đai 2013:

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 157; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 1, khoản 4 Điều 26; điểm a, khoản 2, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Văn B đối với ông Bùi Văn P: Buộc ông Bùi Văn P có nghĩa vụ trả lại cho ông Bùi Văn B diện tích đất tranh chấp là 3.528m² đất lâm nghiệp tại xóm M, xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình, thuộc diện tích đất tại thửa số 6, tờ bản đồ số 1 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bùi Văn B ngày 20/12/1997. Phần đất giao trả giáp liền kề đất ông B đang sử dụng với tứ cận cụ thể: Phía Đông Nam giáp đất ông B đang sử dụng có tổng chiều dài là 173,72m, một đầu là điểm mốc số 6 (tọa độ: X: 2269732.00; Y: 428304.00), một đầu là điểm mốc số 2 (tọa độ: X: 2269842.00; Y: 428438.00); cạnh phía Tây giáp đất huyện Tân Lạc, có chiều dài 19m tính từ mốc 6 đến mốc 7 (tọa độ: X: 2269746.35; Y: 428291.56); cạnh Đông Bắc giáp đất huyện Tân Lạc có chiều dài 17,62m tính từ mốc 2 đến mốc 1 (tọa độ: X: 2269853.47; Y: 428424.62); cạnh Tây Bắc giáp đất huyện Tân Lạc có chiều dài 170,82m, là điểm nối từ mốc 1 đến mốc 7.

2. Bác yêu cầu ông Bùi Văn B đòi thừa đất còn lại do ông Bùi Văn P đang sử dụng là 17.790m² tại xóm M, xã P, huyện Lạc Sơn, tỉnh Hòa Bình.

3. Án phí: Ông Bùi Văn P phải chịu phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Miễn cho ông Bùi Văn B 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ông

Bùi Văn B được nhận lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0000669 ngày 06/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lạc Sơn.

4. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 5.000.000 đồng. Ông Bùi Văn B và Bùi Văn P mỗi người phải chịu 1/2 khoản tiền này. Khoản tiền này ông Bùi Văn B đã nộp tạm ứng nên ông P phải trả cho ông Bùi Văn B số tiền 2.500.000 đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Lạc Sơn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lạc Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phạm Cao Sơn